

Số: 07/2021/QĐST- DS

Phúc Thọ, ngày 30 tháng 9 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 49/2020/TLST-DS ngày 22/5/2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP KTVN**

Địa chỉ: Số 191 Bà Triệu, phường LĐH, quận HBT, TP Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị N; Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Thanh N1- Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974

Bà **Khuất Thị P**, sinh năm 1975

Đều ĐKKHKT: Cụm 3 (nay là thôn Phù Long 2), xã LX, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Tổ dân phố số 1, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Nguyễn Phương T, sinh năm 2004

+ Cháu Nguyễn Anh T1, sinh năm 2008

+ Cháu Nguyễn Văn T2, sinh năm 2011

Đầu ĐKHKTT: Cụm 3 (nay là thôn Phù Long 2), xã LX, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: Tổ dân phố số 1, thị trấn PT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Văn T và bà Khuất Thị P xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP KTVN số tiền gốc và lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 10/7/2021 cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 29757/HĐTD/TH- TN/TCB- TLG- NSO ngày 06/02/2010, tiền nợ gốc 4.261.152 đồng; tiền nợ lãi trong hạn 0 đồng; tiền nợ lãi quá hạn 6.733.083 đồng. Tổng cộng là 10.994.235 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 41511/HĐTD/TH- TN/TCB- TLG- NSO ngày 29/01/2011, tiền nợ gốc 208.326.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn 1.263.003.014 đồng; tiền nợ lãi quá hạn 501.763.047 đồng. Tổng cộng là 1.973.092.061 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 47296/HĐTD/NH- TN/TCB- TLG- NSO ngày 18/4/2011, tiền nợ gốc 2.419.660,000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn 0; tiền nợ lãi quá hạn 15.983.166.440 đồng. Tổng cộng là 18.402.826.440 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 47601/HĐTD/NH- TN/TCB- TLG- NSO ngày 21/4/2011, tiền nợ gốc 2.200.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn 0; tiền nợ lãi quá hạn 9.465.200.000 đồng. Tổng cộng là 11.665.200.000 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 47887/HĐTD/TH- TN/TCB- TLG- NSO ngày 28/4/2011, tiền nợ gốc 663.668.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn 1.337.421.340 đồng; tiền nợ lãi quá hạn 411.463.031 đồng. Tổng cộng là 2.412.552.371 đồng.

+ Thẻ tín dụng ngày 14/9/2010 là 131.912.419 đồng.

Tổng số nợ ông T, bà P phải trả của các hợp đồng tín dụng là 34.596.577.526 đồng (Ba mươi tư tỷ năm trăm chín mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm năm hai mươi sáu đồng), trong đó tổng nợ gốc 5.495.915.152 đồng, tổng nợ lãi trong hạn 2.600.424.354 đồng, tổng nợ lãi quá hạn là 26.368.325.601 đồng và 131.912.419 đồng khoản Thẻ tín dụng.

Kể từ ngày 11/7/2021, ông Nguyễn Văn T và bà Khuất Thị P phải tiếp tục thanh toán tiền nợ lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng cho đến khi ông T và bà P thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ. Sau khi vợ chồng ông T và bà P thanh toán đầy đủ khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP KTVN phải trả lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông T, bà P.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn T và bà Khuất Thị P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng số tiền nợ trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng TMCP KTVN có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 122, số tờ bản đồ 54, diện tích 76 m² (có bản Trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo) tại địa chỉ thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 568933, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01676 do Ủy ban nhân dân huyện PT, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội)

cấp ngày 20/5/2008 cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Khuất Thị P. Ngày 21/5/2010, tên người sử dụng đất đã được đính chính là ông Nguyễn Văn T, bà Khuất Thị P và có xác nhận của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số lô 02 (thửa đất số 123), số tờ bản đồ 54, diện tích 80,3m² (có bản Trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo) tại địa chỉ thị trấn Phúc Thọ, huyện PT, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 596062, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01269 do Ủy ban nhân dân huyện PT, tỉnh Hà Tây (nay là Thành phố Hà Nội) cấp ngày 23/10/2007 cho hộ ông Nguyễn Văn T. Ngày 21/5/2010, tên người sử dụng đất đã đính chính là ông Nguyễn Văn T và có xác nhận của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Hợp đồng thế chấp thế chấp tài sản đã được công chứng tại trụ sở Văn phòng công chứng TL, Thành phố Hà Nội số công chứng: 2195.2011/HĐTC-TCB ngày 16/4/2011 và đã được đăng ký giao dịch theo đúng quy định pháp luật.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn T và bà Khuất Thị P phải tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho đến khi tất toán khoản vay với Ngân hàng.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T và bà Khuất Thị P tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 71.298.000 đồng (*Bảy mươi một triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*). Hoàn trả Ngân hàng TMCP KTVNsố tiền 72.738.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn đồng*), đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003121 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện PT
- CCTHADS huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Kiều Duy Chinh

